

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không có

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Nhà thầu có hồ sơ đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 sẽ được đánh giá tiếp tại Mục này.

- Việc đánh giá kỹ thuật căn cứ trên các thông tin nhà thầu trình bày trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hóa, dịch vụ chào thầu (Chương V)**

- Mỗi đầu mục thiết bị, dịch vụ, đề xuất tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành trong gói thầu được đánh giá theo nguyên tắc **Đạt/Không đạt** theo **Bảng đánh giá chi tiết thiết bị và dịch vụ (Chương III)**.

- Mỗi đầu Mục sẽ gồm nhiều dòng chỉ tiêu kỹ thuật. Trong mỗi dòng chỉ tiêu kỹ thuật có các tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

- Mỗi dòng chỉ tiêu kỹ thuật sẽ được đánh giá **Đạt** nếu Nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đáp ứng (hoặc cao hơn) yêu cầu HSMT.

- Mỗi đầu Mục được đánh giá là **Đạt** khi tất cả các dòng chỉ tiêu kỹ thuật trong đầu Mục đó được đánh giá là **Đạt**.

- Phương án kỹ thuật do nhà thầu đề xuất được đánh giá là **Đạt** khi tất cả các đầu Mục thiết bị, dịch vụ, đề xuất tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành trong gói thầu được đánh giá là **Đạt**.

Cụ thể:

1. Đánh giá về thiết bị:

1.1. Nguyên tắc đánh giá chung:

- Tài liệu sử dụng để chứng minh cho bảng đề xuất kỹ thuật của nhà thầu là tài liệu kỹ thuật của hãng (bao gồm: Catalog, user guide, technical guide, ...). Các vật tư, phụ kiện (cable...) không cần tài liệu kỹ thuật của hãng để chứng minh.

1.2. Đánh giá về chỉ tiêu kỹ thuật:

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu hàng hóa do nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ và có tài liệu kỹ thuật chứng minh phù hợp với đề xuất kỹ thuật thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, dòng chỉ tiêu kỹ thuật được đánh giá là không đạt nếu:

+ Nhà thầu đề xuất thấp hơn dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thấp hơn tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

+ Nhà thầu đề xuất thiếu dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiếu tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

Handwritten signature

- Trong Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu, nếu nhà thầu đề xuất dòng chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị đáp ứng so với yêu cầu của HSMT nhưng chưa cung cấp tài liệu kỹ thuật của hãng để chứng minh hoặc có cung cấp tài liệu kỹ thuật của hãng nhưng tài liệu không thể hiện được đúng dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất thì Chủ đầu tư làm rõ theo quy định. Sau khi làm rõ, nếu nhà thầu cung cấp tài liệu và chứng minh được hàng hóa của nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu của HSMT thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất được đánh giá là đạt. Các trường hợp còn lại thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đạt.

2. Đánh giá về dịch vụ

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất thấp hơn dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thấp hơn tiêu chí kỹ thuật chi tiết thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là không đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất thiếu dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiếu tiêu chí kỹ thuật chi tiết thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là không đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ dòng chỉ tiêu kỹ thuật thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là đạt.

3. Đánh giá về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành

Nhà thầu đề xuất đầy đủ và đáp ứng tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành theo yêu cầu tại **Điểm D chương V** của HSMT.

Đánh giá mục yêu cầu tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành như sau:

- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất theo **Điểm D Chương V – Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành**, nhà thầu có **đề xuất đầy đủ và đáp ứng** cho mục yêu cầu nào thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật của mục đó được đánh giá đạt.

- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất theo **Điểm D Chương V – Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành**, nhà thầu **không đề xuất đầy đủ hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng** cho mục yêu cầu nào thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật của mục đó được đánh giá không đạt. M

Bảng đánh giá chi tiết thiết bị và dịch vụ

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Thay thế tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính		
1.1	Thay thế thiết bị		
	Model		
	- Hardware Appliance or hardware platform		
	- Form factor: Rackmount		
	Hardware specifications		
	- Hard drive: 2TB SSD		
	- 36vCPU or 32 Core Processors		
	- Memory: 256GB		
	Network Interface		
	- 8x25G/10G SFP28/SFP+ ports with 6 SR module (or transceiver)		
	- 4x100G/40G QSFP28/QSFP+ ports		
	- Management Port: 1 * (100/1000 or 10/100/1000Base-T) Copper		
	Performance		
	- WAF throughput (or L7 throughput): 125 Gbps		
	- (115K TPS (RSA 2k keys)) or (SSL Transactions/sec (2K Key): 115.000)		
	-(Hardware Compression) or (Compression throughput): 36 Gbps		
	- L7 requests per second or L7 HTTP requests/sec: 4,5M		
	Features		
	- Tính năng tăng tốc giải mã SSL (SSL acceleration)		
	- Tính năng chống tấn công DDOS		
	- Tính năng chống các loại tấn công thuộc OWASP Top 10		
	- Protect API or API Security		
	- Support multi-tenancy		
	- Internet Protocol: IPv4; Support IPv6		

11

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	Deployment mode		
	- Transparent bridge or L2 mode		
	- Reserve proxy or Packet Forwarding		
	Management software		
	- Quản lý truy cập theo vai trò (User Role or Role-based dashboards)		
	- Giao diện quản trị: GUI (or WEB), CLI		
	- Hỗ trợ SNMP		
	License		
	- Web Application Firewall (WAF): 5- Year Subscription		
	- (Threat Campaigns) or (Bot management): 5-Year Subscription		
	Others		
	- Power Supply: (Dual hot-swap) or (Two hot-swappable)		
	- AC Power (or Input Power): 220-240V		
1.2	Dịch vụ triển khai		
	Phạm vi		
	- Khảo sát, thiết kế, cài đặt, cấu hình triển khai thay thế thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính		
	Nội dung dịch vụ		
	- Khảo sát hiện trạng thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính		
	- Thiết kế mô hình triển khai thay thế thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính, bao gồm: thiết kế tổng thể, thiết kế chi tiết		
	- Xây dựng quy trình cài đặt		
	- Xây dựng biên bản cài đặt, biên bản kiểm tra cài đặt		
	- Xây dựng quy trình quản trị, vận hành		

11

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	- Xây dựng kịch bản kiểm tra kết nối qua thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính sau triển khai		
	Triển khai		
	- Cài đặt, cấu hình triển khai thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính theo quy trình		
	- Thực hiện kiểm tra kết nối qua thiết bị thiết bị tường lửa ứng dụng vùng Internet tại Trung tâm dữ liệu chính theo kịch bản		
2	Thay thế thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng		
2.1	Thay thế thiết bị		
	Model		
	- Next Generation Firewall		
	- Form factor: Rackmount		
	Performance		
	- Firewall throughput (appmix) or NGFW (Enterprise Testing Conditions): 70 Gbps		
	- Threat Prevention throughput (appmix) or Threat Prevention (Enterprise Testing Conditions): 47,4 Gbps		
	- (Max concurrent sessions: 7M) or (Concurrent connections (LAB): 48M)		
	- (New sessions per second: 370.000) or (Connections/sec (LAB) : 1.250.000)		
	- Virtual systems: 15		
	Network Interfaces		
	- (8 * 1G/2.5G/5G/10G) or (8 * 10/100/1000Base-T RJ45) or (8 * 1/10GbE Fiber) ports		
	- 4 * (10G SFP/SFP+ or 10GBase-F SFP+) port with 2* SR module (or transceiver) with 2 * 30m LC/LC cables		

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	- 4 *(40G QSFP+ or 40G QSFP28) ports with 4* SR4 module (or transceiver) with 4 * 30m MPO-12 cables		
	- Management port: 01 * out-of-band management (or Lights-Out-Management)		
	Features		
	- DoS protection or DoS Mitigation		
	- Network address translation		
	- Content Inspection or Identifies all payload data within the application or HTTPS Inspection		
	- IPSec VPN		
	- DNS Sinkholing or DNS Trap		
	- Support Policy Optimizer		
	Feature with License		
	- (Advanced Threat Prevention & Advanced WildFire: 5-year subscriptions) or (Next Generation Threat Prevention & SandBlast: 5-year subscriptions)		
	Routing		
	- Static route, RIP, OSPFv2/v3, BGP		
	- (Policy-based forwarding) or (Policy-based routing)		
	Management		
	- Command Line Interface		
	- Web Interface		
	- Support centralized management		
	Others		
	- Redundant power supply		
	- Power input (AC): 220 - 240V		
2.2	Dịch vụ triển khai		
	Phạm vi		
	- Khảo sát, thiết kế, cài đặt, cấu hình triển khai thay thế thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng		

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	Nội dung dịch vụ		
	- Khảo sát hiện trạng thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng		
	- Thống nhất yêu cầu triển khai thay thế thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng		
	- Thiết kế mô hình triển khai thay thế thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng, bao gồm: thiết kế tổng thể, thiết kế chi tiết mô hình triển khai		
	- Xây dựng phương án triển khai		
	- Xây dựng quy trình cài đặt, tài liệu hướng dẫn cài đặt		
	- Xây dựng biên bản cài đặt, biên bản kiểm tra cài đặt, biên bản nghiệm thu		
	- Xây dựng quy trình quản trị, vận hành, checklist hệ thống		
	- Xây dựng kịch bản kiểm tra kết nối qua thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng sau triển khai		
	Triển khai		
	- Cài đặt, cấu hình triển khai thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng theo quy trình		
	- Thực hiện kiểm tra kết nối qua thiết bị thiết bị Firewall Internet tại Trung tâm dữ liệu dự phòng theo kịch bản		
3	Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành		



Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục I- Tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ tại Điểm D chương V của E-HSMT		
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục II- Yêu cầu về thời gian, hình thức bảo hành thiết bị tại Điểm D chương V của E-HSMT		
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục III- Yêu cầu về chất lượng dịch vụ tại Điểm D chương V của E-HSMT		

12

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.